

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **106/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng

Ông Vũ Xuân Tuất.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 495/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2019/QĐHPT-ST ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn Tiến P**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 380/28/12 L, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Mai T**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 237 thôn B, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*anh P, chị T cùng vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tiến P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị T tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 23/3/2017 tại UBND phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm, chị T thường xuyên ghen tuông vô cớ, dẫn đến việc thường hay cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng. Đến tháng 5/2018 thì chị T và anh P không chung sống với nhau, chị T về nhà của cha mẹ ruột của chị T sống tại ấp A, xã B.

Nay tình cảm của anh P đối với chị T không còn, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy anh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Nguyễn Thùy D – sinh ngày 09/7/2017. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao cháu D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mai T không nộp bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng chị T đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh P là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh P được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn Tiến P yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai T sinh năm: 1994, có nơi cư trú tại: Số 237 thôn B, ấp A, xã B, huyện T, Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”, *nuôi con chung*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Nguyễn Thị Mai T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 12/11/2019. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị Nguyễn Thị Mai T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 3 năm 2017, hôn nhân của anh P và chị T phù hợp với các Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Anh P giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai T.

Anh P thừa nhận do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến việc thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên anh P và chị T đã không chung sống với nhau từ tháng 05/2018 đến nay, bản thân anh P không còn tình cảm với chị T, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau, không giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Mặc khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa án làm việc, hòa giải để đưa ra những biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ xây dựng gia đình. Tuy nhiên tại các buổi làm việc, hoà giải cũng như tại phiên tòa, chị T vắng mặt thể hiện việc không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh P yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Tiến P.

3.2 - Về con chung: Anh P, chị T có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Thùy D – sinh ngày 09/7/2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”. Hơn nữa, hiện cháu D đang do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy để ổn định cuộc sống của con trẻ, đảm bảo cho con có điều kiện P triển tốt nhất về trí lực và thể lực, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thùy D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không có ý kiến gì về cấp dưỡng, do vậy HĐXX không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 220; 227; 228; 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Tiến P về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” với chị Nguyễn Thị Mai T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Tiến P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy D – sinh ngày 09/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Văn Tiến P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Tiến P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tiến P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh P đã nộp theo biên lai thu số 0006861 ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Văn Tiến P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Anh P, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã phường C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Và Kíu

